

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 10 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN VI: TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ ĐỊA PHƯƠNG

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 3, TẠI CÔNG TY CP GANG THÉP TN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Vũ Việt Anh	1	64	7.0	Bảy	
2	Nguyễn Tuấn Anh	2	57	7.0	Bảy	
3	Nguyễn Thị Quế Anh	3	29	8.0	Tám	
4	Nguyễn Văn Tuấn Anh	4	44	7.0	Bảy	
5	Trần Tuấn Anh	5	12	8.0	Tám	
6	Lê Văn Bảy	6	38	7.0	Bảy	
7	Mạc Văn Biên	7	24	8.0	Tám	
8	Nguyễn Văn Bình	8	75	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Thị Minh Châu	9	70	7.5	Bảy rưỡi	
10	Vũ Đình Chiến	10	26	7.5	Bảy rưỡi	
11	Hoàng Đức Cường	11	15	8.0	Tám	
12	Nguyễn Đức Cường	12	36	7.0	Bảy	
13	Phạm Minh Cường	13	71	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Mạnh Cường	14	46	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Thế Cường	15	76	7.5	Bảy rưỡi	
16	Đàm Viết Dự	16	72	7.5	Bảy rưỡi	
17	Đặng Kim Dũng	17	61	8.0	Tám	
18	Nguyễn Công Dũng	18	51	7.0	Bảy	
19	Dương Thị Dục	19	40	7.0	Bảy	
20	Hoàng Hải Dương	20	05	8.0	Tám	
21	Bùi Phương Duy	21	62	7.5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Khắc Đức	22	42	7.0	Bảy	



cr

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Minh Đức	23	37	7.5	Bảy rưỡi	
24	Đỗ Trường Giang	24	85	7.0	Bảy	
25	Nguyễn Thị Hương Giang	25	28	8.0	Tám	
26	Dương Thị Giang	26	60	8.0	Tám	
27	Ngô Hồng Hà	27	09	7.5	Bảy rưỡi	
28	Vũ Thanh Hà	28	56	7.0	Bảy	
29	Hoàng Thu Hà	29	13	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Vũ Hải	30	84	7.5	Bảy rưỡi	
31	Hoàng Thanh Hải	31	63	7.0	Bảy	
32	Nguyễn Văn Hạnh	32	01	7.5	Bảy rưỡi	
33	Phan Đình Hạnh	33	66	7.5	Bảy rưỡi	
34	Trịnh Xuân Hiệp	34	32	7.0	Bảy	
35	Lê Công Hiếu	35	50	7.0	Bảy	
36	Trần Thị Thúy Hoàng	36	74	8.0	Tám	
37	Nguyễn Công Huân	37	19	8.0	Tám	
38	Phạm Thanh Huân	38	02	8.0	Tám	
39	Nguyễn Quốc Hùng	39	17	7.5	Bảy rưỡi	
40	Tô Thế Hùng	40	52	7.5	Bảy rưỡi	
41	Tô Mạnh Hưng	41	48	7.5	Bảy rưỡi	
42	Trần Thị Thu Hương	42	10	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thị Việt Hương	43	30	8.0	Tám	
44	Dương Thu Hương	44	80	7.5	Bảy rưỡi	
45	Phạm Lê Huy	45	73	8.0	Tám	
46	Lê Viết Huy	46	41	7.0	Bảy	
47	Hoàng Thu Huyền	47	68	8.0	Tám	
48	Nguyễn Huy Khang	48	77	8.0	Tám	
49	Lê Vĩnh Khang	49	55	7.5	Bảy rưỡi	
50	Mai Phan Khương	50	20	7.0	Bảy	
51	Nguyễn Thị Lập	51	08	8.0	Tám	
52	Bùi Tuấn Linh	52	54	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Dương Thị Ngọc Linh	53	11	8.0	Tám	
54	Phạm Thị Loan	54	23	7.5	Bảy rưỡi	
55	Bùi Văn Lùng	55	14	7.5	Bảy rưỡi	
56	Vũ Ngọc Lương	56	18	8.0	Tám	
57	Nguyễn Thị Hồng Mai	57	25	7.0	Bảy	
58	Nguyễn Thị Tuyết Mai	58	33	7.0	Bảy	
59	Hà Đức Mẫn	59	58	7.0	Bảy	
60	Phạm Khả Miên	60	67	7.5	Bảy rưỡi	
61	Đặng Quang Minh	61	47	7.0	Bảy	
62	Tạ Thị Nguyệt Minh	62	59	7.5	Bảy rưỡi	
63	Đỗ Tuấn Ngọc	63	31	7.5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Thị Bích Ngọc	64	83	7.5	Bảy rưỡi	
65	Trần Thị Thu Phương	65	43	7.0	Bảy	
66	Đào Ngọc Sơn	66	45	7.5	Bảy rưỡi	
67	Lê Minh Sơn	67	78	8.0	Tám	
68	Bùi Thái Sơn	68	07	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Quý Sửu	69	82	7.0	Bảy	
70	Bùi Văn Tạ	70	16	7.0	Bảy	
71	Đinh Tiến Tân	71	53	7.0	Bảy	
72	Cao Văn Tân	72	35	7.0	Bảy	
73	Nguyễn Thượng Thạch	73	79	7.0	Bảy	
74	Trịnh Hồng Thái	74	27	7.0	Bảy	
75	Trần Đại Thắng	75	69	7.5	Bảy rưỡi	
76	Trần Nam Thắng	76	34	7.5	Bảy rưỡi	
77	Nguyễn Văn Thắng	77	06	7.0	Bảy	
78	Phạm Hồng Thành	78	81	7.0	Bảy	
79	Trần Hương Thảo	79	39	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Thị Thủy	80	03	8.0	Tám	
81	Phan Văn Tứ	81	04	8.0	Tám	
82	Bùi Trọng Tuấn	82	65	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
83	Nguyễn Quang Tùng	83	21	7.5	Bảy rưỡi	
84	Dương Thị Thanh Tuyền	84	49	7.5	Bảy rưỡi	
85	Nguyễn Thế Vinh	85	22	7.0	Bảy	

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phúc Ái



Ngô Thị Hồng Nhung



Phạm Minh Chuyên

